BÀI 9 NGHỊ LUẬN VĂN HỌC

**ĐỌC HIỂU VĂN BẢN 1: VẺ ĐẸP CỦA BÀI THƠ CẢNH KHUYA**

- Lê Trí Viễn -

**I. Mục tiêu**

1. **Về kiến thức**

* Nhận biết được đặc điểm hình thức (cách thể hiện luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng,...) và nội dung (mục đích, giá trị, ý nghĩa,...) của một văn bản nghị luận văn học; chỉ ra được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng của văn bản “Vẻ đẹp của bài thơ *Cảnh khuya*”.

- Tư tưởng, tình cảm của tác giả Lê Trí Viễn thể hiện qua văn bản.

**2. Về năng lực**

- Năng lực hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực ngôn ngữ…

- Nhận biết được các đặc điểm của văn bản nghị luận văn học qua các văn bản đọc hiểu trong SGK.

- Phân tích, so sánh được những điểm khác biệt cơ bản giữa văn bản nghị luận với một số kiểu văn bản đã học như thơ, truyện.

1. **Về phẩm chất**

Yêu thích tìm hiểu, khám phá các giá trị của tác phẩm văn học; trân trọng những sáng tạo nghệ thuật và có ý thức gìn giữ giá trị của những sản phẩm đó.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- Máy tính, máy chiếu

- Phiếu học tập

- Tranh ảnh, video có liên quan đến nội dung tiết học

**III. Tiến trình dạy học**

**1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề (Thời gian: 13 phút)**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV

**c. Sản phẩm:** Suy nghĩ của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **Nhiệm vụ : Tìm hiểu về luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản nghị luận**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm đôi nhằm kích hoạt kiến thức nền về luận đề, luận điểm,lílẽ, bằng chứng trong văn bản nghị luận.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS làm việc cá nhân - nhóm để hoàn thành với phần câu hỏi gợi dẫn sau:   |  |  | | --- | --- | | **GÓC CHIA SẺ** | | | 1. Các em đã từng học những văn bản nghị luận văn học nào trong chương trình Ngữ văn ở lớp 6, lớp 7? Hãy nhớ lại và kể tên số văn bản nghị luận văn học mà em đã học, đã đọc. |  | | 2. Em hiểu thế nào là văn bản nghị luận?Mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng? |  | | 3. Văn bản nghị luận muốn thuyết phục cần có đặc điểm gì? |  | | 4. SGK đã lưu ý em điều gì trước khi đọc văn bản nghị luận? |  |   - HS nghe câu hỏi, đọc phần *Kiến thức ngữ văn* và hoàn thành trả lời câu hỏi chắt lọc ý.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động thảo luận**  - GV mời một vài nhóm HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.  ***Dự kiến sản phẩm làm nhóm đôi:***  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, không cần giảng quá chi tiết và chốt lại kiến thức 🡺 GV ghi bảng.  GV chuyển dẫn vào bài.  Để hiểu rõ hơn về “Vẻ đẹp của bài thơ *Cảnh khuya*”, hôm nay, chúng ta đọc hiểu văn bản “Vẻ đẹp của bài thơ *Cảnh khuya*”. Khi đọc, các em chú ý xem tại sao văn bản này được coi là nghị luận văn học. | **I.Kiến thức Ngữ văn:**  **1.Luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng:**  **- Luận đề:** là vấn đề được luận bàn trong văn bản nghị luận. (là “chiều sâu” (giá trị tiềm ẩn về tư tưởng và nghệ thuật) của tác phẩm đã nêu.)  **- Luận điểm** là các ý triển khai những khía cạnh khác nhau của một luận đề trong văn bản nghị luận.  **- Lí lẽ** là những lẽ phải được lấy làm căn cứ để giải thích, làm rõ cho luận điểm. Để có sức thuyết phục, lí lẽ cân chặt chẽ, xác đáng.  **-Bằng chứng** là những ví dụ cụ thể về nội dung, nghệ thuật của tác phẩm văn học (các hình ảnh, chi tiết, câu văn, câu thơ,... trong tác phẩm) được đưa ra nhằm chứng minh, củng cố cho lí lẽ. Để có sức thuyết phục, bằng chứng cần phù hợp, tiêu biểu.  **2.Mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng:**  **Luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng** là những yếu tố có mối liên hệ chặt chẽ với nhau trong văn bản nghị luận.   * **Luân điểm** gắn bó mật thiết với luận đề và được sắp xếp một cách hệ thống, hợp lí để giúp cho luận đề của văn bản được sáng rõ, thuyết phục. Có thể hình dung mối liên hệ này qua sơ đồ sau:   A picture containing text, screenshot, font, receipt  Description automatically generated  **3. Lưu ý khi đọc văn bản nghị luận**  + Vấn đề chính mà văn bản đưa ra để bàn bạc, trao đổi là gì (xác định luận đề)?  + Có những luận điểm nào được sử dụng trong văn bản?  + Các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng góp phần làm sáng rõ cho luận đề như thê nào?  + Quan điểm, thái độ của tác giả được thể hiện trong văn bản như thế nào? |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới (Thời gian: 90 pút )**

|  |  |
| --- | --- |
| **I. TÌM HIỂU CHUNG** | |
| **a. Mục tiêu:** **Giúp HS đ**ọc văn bản và thực hiện một số kĩ thuật đọc thông qua việc trả lời một số câu hỏi trong khi đọc  **b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, đọc văn bản theo sự hướng dẫn của GV  **c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **Thao tác 1: đọc- chú thích**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  + GV hướng dẫn cách đọc  +Gv gọi HS đọc trước lớp, các bạn còn lại lắng nghe và đánh giá bài đọc của bạn dựa theo mẫu bảng sau:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Tiêu chí** | **Đạt** | **Không đạt** | | Đọc to, rõ ràng, trôi chảy |  |  | | Đọc đúng, không thêm từ, bớt từ. |  |  | | Tốc độ, âm lượng đọc phù hợp. |  |  | | Giọng đọc diễn cảm, thể hiện được cảm xúc của nhân vật. |  |  |   - GV giải thích một số từ khó.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS theo dõi sgk  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá  **Thao tác 2: Tìm hiểu về tác giả, tác phẩm**  - Hs hoàn thành PHT số 1 để tìm hiểu về tác giả và tác phẩm (làm ở nhà)  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **-Nhiệm vụ 1: Hoạt động cá nhân**  **GV đặt câu hỏi gợi dẫn** tìm hiểu về tác giả Lê Trí Viễn: Qua tìm hiểu bài ở nhà, hãy giới thiệu những thông tin về tác giả Lê Trí Viễn.  **-Nhiệm vụ 2: GV tiếp tục tổ chức hoạt động nhóm đôi** giúp HS tìm hiểu kiến thức về tác phẩm.  + Văn bản “Vẻ đẹp của bài thơ *Cảnh khuya* ”.  thuộc thể loại nào? Dựa vào đâu em nhận ra điều đó?  + Văn bản gồm 3 phần. Nêu nội dung của từng phần?   |  |  | | --- | --- | | **Phiếu học tập số 1** | | | 1. Thể loại: |  | | 2. Dấu hiệu nhận biết thể loại: |  | | 3. PTBĐ chính: |  | | 4. Bố cục: | | | Phần 1 |  | | Phần 2 |  | | Phần 3 |  | | Phần 4 |  | | Phần 5 |  |   + Thời gian: 3 phút  - HS lắng nghe, tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Hs làm việc cá nhân  - GV quan sát  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức  1/ Tác giả: Lê Trí Viễn (1919-2012), quê ở Quảng Nam   * Là giáo sư, nhà giáo nhân dân, đồng thời cũng là một nhà nghiên cứu đi tiên phong trong việc vận dụng quan điểm Mác-xít trong nghiên cứu và đã đóng góp cho lĩnh vực văn học Việt Nam hơn 40 công trình khoa học giá trị. * Ông là hiệu trưởng sáng lập Trường Trung học cơ sở – Trung học phổ thông Nguyễn Khuyến, một ngôi trường nổi tiếng ở Thành phố Hồ Chí Minh với tỷ lệ đậu Đại học cao và lượng thủ khoa, á khoa các trường Đại học nhiều nhất nước.[1][2] Ông đã được nhà nước tặng giải thưởng Hồ Chí Minh năm 2012.   -Một số tác phẩm tiêu biểu:  *+Việt Nam Văn học sử - Thời đại Lê mạt – Nguyễn sơ*. Nhà xuất bản Tinh Tiến, Liên khu V.  **+** *Thánh Gióng.* Nhà xuất bản Giáo dục.  + Bình thơ xuân – 1986  + Tìm hương trong văn Hồ Chí Minh – 1986,… | **I.Tìm hiểu chung**  **1. Đọc, và tìm hiểu chú thích**  **2.Tác giả, tác phẩm**  **a.Tác giả**    Lê Trí Viễn (1919-2012), quê ở Quảng Nam   * Là giáo sư, nhà giáo nhân dân, đồng thời cũng là một nhà nghiên cứu đi tiên phong trong việc vận dụng quan điểm Mác-xít trong nghiên cứu và đã đóng góp cho lĩnh vực văn học Việt Nam hơn 40 công trình khoa học giá trị. Ông là hiệu trưởng sáng lập Trường Trung học cơ sở – Trung học phổ thông Nguyễn Khuyến, một ngôi trường nổi tiếng ở Thành phố Hồ Chí Minh với tỷ lệ đậu Đại học cao và lượng thủ khoa, á khoa các trường Đại học nhiều nhất nước.Ông đã được nhà nước tặng giải thưởng Hồ Chí Minh năm 2012. Ông đã được nhà nước tặng giải thưởng Hồ Chí Minh năm 2012.   -**Một số tác phẩm tiêu biểu:**  *+Việt Nam Văn học sử - Thời đại Lê mạt – Nguyễn sơ*. Nhà xuất bản Tinh Tiến, Liên khu V.  **+** *Thánh Gióng.* Nhà xuất bản Giáo dục.  + Bình thơ xuân – 1986  + Tìm hương trong văn Hồ Chí Minh – 1986,…  **b. Tác phẩm**  - Xuất xứ: Theo *Đến với thơ hay,* NXB Giáo dục. 1997  - Thể loại: Nghị luận văn học  -PTBĐ chính: nghị luận  -Bố cục: gồm 5 phần   * Phần 1: Giới thiệu bài thơ *Cảnh khuya*. * Phần 2: Phân tích câu thơ thứ nhất trong bài thơ *Cảnh khuya*. * Phần 3: Phân tích câu thơ thứ hai trong bài thơ *Cảnh khuya*. * Phần 4: Phân tích hai câu thơ cuối trong bài thơ *Cảnh khuya.* * Phần 5: Sự cân bằng trong bài thơ *Cảnh khuya.* |

|  |  |
| --- | --- |
| **II. TÌM HIỂU CHI TIẾT VĂN BẢN** | |
| 1. **Mục tiêu:**   - GV hướng dẫn HS đọc và nhận biết được đặc điểm hình thức (cách thể hiện luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng,...) và nội dung (mục đích, giá trị, ý nghĩa,...) của một văn bản nghị luận văn học;  - Chỉ ra được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng của văn bản “Vẻ đẹp của bài thơ *Cảnh khuya*”.  - HS nắm được nội dung và nghệ thuật của từng phần trong văn bản.  - Quan điểm của tác giả Lê Trí Viễn thể hiện qua văn bản.  **b. Nội dung:** Hướng dẫn học sinh khám phá, phát hiện những dấu hiệu đặc trưng của một văn bản nghị luận văn học thông qua văn bản cụ thể bằng hệ thống câu hỏi, phiếu bài tập.  - Phương pháp:nêu và giải quyết vấn đề, vấn đáp, thảo luận nhóm, kĩ thuật tia chóp, khăn trải bàn,…  - GV nêu ý kiến, tổ chức hoạt động nhóm cho HS.  - HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung (nếu cần).  - HS đọc thông tin SGK, thảo luận nhóm, điền vào phiếu học tập.  - GV hướng dẫn HS đọc SGK, nêu ý kiến, giải thích  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh, phiếu học tập, sản phẩm của nhóm  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **Nội dung 1: Hướng dẫn HS tìm hiểu về luận đề của văn bản.**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Thảo luận nhóm đôi  Thời gian 5 phút  - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi:   1. Văn bản V*ẻ đẹp của bài thơ “Cảnh khuya” bàn* về vấn đề gì? Dựa vào đâu để em có thể nhận ra nhanh nhất điều này? 2. Bài thơ *Cảnh khuya* được tác giả Lê Trí Viễn phân tích theo trình tự nào? Nêu tác dụng của việc phân tích theo trình tự đó.   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  \***Dự kiến sản phẩm:**  1 - Văn bản Vẻ đẹp của bài thơ “Cảnh khuya” bàn về vẻ đẹp nghệ thuật tả cảnh trong bài thơ *Cảnh khuya.*   * Em dựa vào nhan đề và phần 1 của của văn bản để nhận ra nhanh nhất điều này.   2 - Bài thơ *Cảnh khuya* được tác giả Lê Trí Viễn phân tích theo trình tự các câu thơ trong bài thơ *Cảnh khuya*.  -Tác dụng: Việc phân tích theo trình tự các câu thơ trong bài thơ giúp bài phân tích có chiều sâu và phân tích được mạch cảm xúc mà tác giả bài thơ muốn thể hiện.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá.  **Nội dung 2: Hướng dẫn HS tìm hiểu về mối quan hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản.**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV áp dụng KỸ THUẬT KHĂN TRẢI BÀN**  **PHIẾU HỌC TẬP 2**  - Yêu cầu Hs đọc kỹ các phần của văn bản. Chia nhóm lớp, phát phiếu học tập số 2, giao nhiệm vụ:  **Gói câu hỏi**   1. Xác định nội dung chính của mỗi phần. Tính lô gích giữa các phần được thể hiện như thế nào? 2. Chỉ ra một ví dụ thể hiện mối quan hệ chặt chẽ giữa nội dung chính của một phần với lí lẽ, bằng chứng được sử dụng trong phần ấy. 3. Nêu một điểm chung về thái độ, quan điểm của tác giả thể hiện ở các phần trong văn bản.   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận theo nhóm, suy nghĩ để trả lời.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.  \***Dự kiến sản phẩm:**  **a. Nội dung chính của mỗi phần:**   * Phần 1: Giới thiệu bài thơ Cảnh khuya. * Phần 2: Phân tích câu thơ thứ nhất trong bài thơ Cảnh khuya. * Phần 3: Phân tích câu thơ thứ hai trong bài thơ Cảnh khuya. * Phần 4: Phân tích hai câu thơ cuối trong bài thơ Cảnh khuya. * Phần 5: Sự cân bằng trong bài thơ Cảnh khuya.   **Tính lô gích giữa các phần được thể hiện ở:**   * Các luận điểm có sự gắn bó mật thiết với luận đề và được sắp xếp theo hệ thống hợp lí (phân tích bài thơ theo trình tự các câu thơ) giúp người đọc dễ theo dõi, cảm nhận. Luận đề của văn bản được làm sáng tỏ, thuyết phục. * Các lí lẽ giải thích, làm rõ luận điểm, tăng sức thuyết phục, cho bài viết.   **b. Ví dụ:** Phần 2 có nội dung chính là phân tích câu thơ thứ nhất trong bài thơ *Cảnh khuya*. Trong phần này, tác giả tập trung phân tích vẻ đẹp của cảnh vật, thiên nhiên trong câu thơ thứ nhất của bài *Cảnh khuya*.  **Lí lẽ:**   * Câu thơ vang lên hai thứ tiếng: tiếng suối và tiếng hát. * Tiếng suối rất trong ấy văng vẳng mơ hồ như một tiếng hát từ xa vọng lại. * Dù sao đó vẫn là một hồi âm, một tưởng tượng mĩ lễ xứng đáng với một tâm hồn đẹp và một cảnh khuya tao nhã.   **Dẫn chứng:**   * Tác giả so sánh tiếng suối trong bài thơ Cảnh khuya với tiếng suối trong các bài thơ khác như tiếng suối trong bài Côn Sơn của Nguyễn Trãi, tiếng suối trong thơ của Bạch Cư Dị.   c. Điểm chung về thái độ, quan điểm của tác giả thể hiện ở các phần trong văn bản là: Tác giả trân trọng, khâm phục trước nghệ thuật tả cảnh trong bài thơ *Cảnh khuya* của Bác.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **1.Luận đề (Vấn đề nghị luận):**  **-Luận đề:** Bàn về vẻ đẹp nghệ thuật tả cảnh trong bài thơ *Cảnh khuya*.  **2. Hệ thống luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản:**  **- Các luận điểm:** Bài viết có 5 luận điểm  + Giới thiệu bài thơ Cảnh khuya.  + Phân tích câu thơ thứ nhất trong bài thơ Cảnh khuya.  + Phân tích câu thơ thứ hai trong bài thơ Cảnh khuya.  + Phân tích hai câu thơ cuối trong bài thơ Cảnh khuya.  + Sự cân bằng trong bài thơ Cảnh khuya.  -**Mối quan hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản:**  Luận điểm của phần này gắn bó mật thiết với luận đề, giúp làm sáng tỏ luận đề của văn bản.  + Các luận điểm có sự gắn bó mật thiết với luận đề và được sắp xếp theo hệ thống hợp lí (phân tích bài thơ theo trình tự các câu thơ) giúp người đọc dễ theo dõi, cảm nhận. Luận đề của văn bản được làm sáng tỏ, thuyết phục.  + Các lí lẽ giải thích, làm rõ luận điểm, tăng sức thuyết phục, cho bài viết.   * **Điểm chung về thái độ, quan điểm của tác giả thể hiện ở các phần trong văn bản:**   Tác giả trân trọng, khâm phục trước nghệ thuật tả cảnh trong bài thơ *Cảnh khuya* của Bác. |
| **III. Tổng kết**  **a) Mục tiêu:** Hs nắm được đặc điểm của văn bản nghị luận ( Nghị luận văn học). Và khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản “Vẻ đẹp của bài thơ *Cảnh khuya*”.  **b) Nội dung:**  - GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân.  - HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.  \* Phương pháp:Vấn đáp, TL nhóm.  **c) Sản phẩm:** Các câu trả lời của học sinh  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **Nội dung 3: Hướng dẫn HS tìm hiểu về những yếu tố nghệ thuật để làm nổi bật nội dung của bài thơ.**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **Thảo luận trong bàn trong 10 phút:**  1. Hãy dẫn ra một đoạn văn cho thấy tác giả đã phân tích các yếu tố nghệ thuật để làm nổi bật nội dung của bài thơ?  2. Một trong những cách bình luận thơ là so sánh sự thể hiện của tác giả này với tác giả khác về cùng một vấn đề. Em hãy nêu nhận xét về tác dụng của cách bình luận đó trong phần 2 văn bản Vẻ đẹp của bài thơ “Cảnh khuya".  3. Qua VB, em hãy chỉ ra sức hấp dẫn trong cách lập luận của tác giả bài viết?  4. Chỉ ra những lưu ý khi đọc hiểu một văn bản nghị luận văn học.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**   * HS suy nghĩ và thảo luận và ghi ra giấy. * GV hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).   **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận.  **\*Dự kiến sản phẩm**  **1.** Đoạn văn cho thấy tác giả đã phân tích các yếu tố nghệ thuật để làm nổi bật nội dung của bài thơ:  *"Cho nên hạ một câu: “Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà” đâu phải mọi người đều nói được. Trong khi Bác nói một cách rất tự nhiên. Cái nhẹ nhàng, hồn nhiên và giản dị ấy ai ngờ lại hiện ngay trong cách ghép của tổ hợp từ này. Ta thường nghe nói nỗi nhớ, nỗi nhà, nỗi mình, còn nỗi nước nhà thì chưa thấy đâu nói. Bởi nó tiêu biểu, nó tập hợp ở đỉnh cao nhất mọi tình cảm và mọi nghĩ suy và điều đó chỉ có Bác Hồ nói là thích hợp nhất; nhẹ nhàng, hồn nhiên nhất. Kể cả cái lo không giấu giếm gì ấy cũng chẳng làm vẩn bợn được ánh trăng sáng và tiếng suối trong ở trên. Bởi vì nó không làm xáo trộn được tâm hồn con người vĩ đại mặc dù niềm lo cho nước nhà ở năm 1947 là vô cùng to lớn, nặng nề. [...]"*  -Tác giả đã tập phân tích nghệ thuật dùng từ "nỗi nước nhà" để làm nổi bất lên nội dung của bài thơ.  **2.** Bằng việc so sánh tiếng suối trong bài thơ Cảnh khuya của Bác với tiếng suối trong bài thơ của Bạch Cư Dị, Thế Lữ và tiếng suối trong thơ của Nguyễn Trãi, tác giả đã làm nổi bật lên cái hay, cái đẹp của tiếng suối trong thơ của Bác. Nếu tiếng suối trong thơ của Bạch Cư Dị và Nguyễn Trãi nghe nhưng tiếng đàn, tiếng suối trong thơ Thế Lữ trong như nước ngọc tuyền thì tiếng suối trong thơ Bác lại là một tiếng hát, một tiếng hát trong trẻo, một tiếng hát như một hồi âm vọng về gợi lại trong kí ức. Tiếng suối của Bác thể hiện một tâm hồn đẹp của người thi sĩ.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  GV tổng hợp ý kiến, chốt kiến thức. | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật:**  - Các luận điểm có sự gắn bó mật thiết với luận đề và được sắp xếp theo hệ thống hợp lí  - Lập luận chặt chẽ, sắc bén; thuyết phục, xác thực và được trình bày theo một trình tự hợp lí.  - Lời văn giàu hình ảnh, nhạc điệu,…  **2. Nội dung:**  Văn bản bàn về cái đẹp, cái hay ẩn sâu bên trong và dụng ý của Bác trong mỗi câu thơ trong bài thơ Cảnh khuya.  **3. Kĩ năng đọc văn bản nghị luận:**  - Xác định luận đề của văn bản.  - Xác định các luận điểm và chỉ ra mối quan hệ của hệ thống luận điểm với luận đề.  - Chỉ ra các lí lẽ, bằng chứng và mối quan hệ của chúng trong việc làm rõ luận điểm.  - Quan điểm, thái độ của tác giả được thể hiện trong văn bản. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (Thời gian: 25 phút)**

**a. Mục tiêu**: Kiểm tra, đánh giá kết quả học tâp của học sinh qua một số bài tập cụ thể.

**b. Nội dung:** GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập vẽ sơ đồ tư duy hệ thống kiến thức.

**c. Sản phẩm học tập:** Đáp án đúng của bài tập, sơ đồ tư duy hệ thống kiến thức của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**

**\*Nhiệm vụ 1:**

- GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập:

? Trước và sau khi học văn bản nghị luận này, cảm nhận của em về bài thơ Cảnh khuya có gì khác nhau? Chỉ ra nguyên nhân tạo nên sự khác biệt ấy. Qua đó, em rút ra những yếu tố quan trọng của một bài văn nghị luận.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

**-** HS lắng nghe GV hướng dẫn HS hoàn thành bài tập.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

* HS suy nghĩ, làm việc cá nhân trong 03 phút.

**\*Gợi ý:** Trước và sau khi học văn bản nghị luận này, em cảm thấy có sự khác biệt rất lớn trong em về cách cảm nhận bài thơ này. Qua văn bản, em cảm nhận sâu hơn cái hay của bài thơ, rõ nét hơn dụng ý của Bác trong mỗi câu thơ, cái tài của Bác trong nghệ thuật dùng từ. Bài phân tích của tác giả Lê Trí Viên xoáy sâu và nội dung vào từng từ ngữ, kết hợp với sự tưởng tượng của mình, ông đã tái hiện được hết vẻ đẹp của bức tranh thiên nhiên cảnh khuya, những cái hay ẩn sâu trong bài thơ Cảnh khuya.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá

**\*Nhiệm vụ 2**: Vẽ sơ đồ tư duy bài học

**Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV hướng dẫn HS hoàn thành sơ đồ tư duy hệ thống kiến thức bài học.

- HS làm việc cá nhân: Hoàn thành sơ đồ tư duy về văn bản theo mẫu sau:

**LUẬN ĐỀ**

Bằng chứng

Lí lẽ

Lí lẽ

Bằng chứng

**Luận điểm 1**

**Luận điểm n**

**Luận điểm 2**

Lí lẽ

Bằng chứng

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- GV gọi một vài HS trình bày sơ đồ đã hoàn thành trước lớp, các HS khác quan sát, lắng nghe và bình chọn ra sản phẩm đẹp, đủ và đúng nhất.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

GV gọi các HS nhận xét sơ đồ tư duy của các HS trên bảng.

**Bước 4: Đánh giá, kết luận:**

- GV nhận xét, đánh giá thái độ học tập của cả lớp và tổng kết lại bài học.

**Rubric đánh giá sản phẩm sơ đồ tư duy**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung đánh giá** | **Mức đánh giá** | | |
| **(1)** | **(2)** | **(3)** |
| Sơ đồ tư duy | - Phần thông tin: Chỉ nêu được một lí lẽ và bằng chứng.  - Phần hình thức: Sơ đồ chỉ có 1 nhánh chính | - Phần thông tin: Chỉ nêu được hai – ba lí lẽ, chưa đủ bằng chứng.  - Phần hình thức: Sơ đồ có nhánh chính và các nhánh phụ nhưng chưa được sắp xếp hợp lí | - Phần thông tin: Nêu được bốn lí lẽ, đủ bằng chứng.  - Phần hình thức: Sơ đồ có nhánh chính, nhánh phụ, sắp xếp hợp lí. |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (Thời gian: 5 phút)**

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

**b) Nội dung**: Trả lời câu hỏi về tình huống thực tiễn rút ra từ bài học.

**\* Phương pháp:** Vấn đáp, TL nhóm,…

**c) Sản phẩm**: Câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện.**

**Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**

- Tìm đọc tham khảo các bài viết nghị luận về bài thơ “Cảnh khuya” của các tác giả khác. Em rút ra nhận xét gì?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

* HS suy nghĩ cá nhân và thực hiện ở nhà

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- GV gọi một số HS nêu suy nghĩ, việc làm.

- Các HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

**Hướng dẫn học ở nhà**

- Tìm hiểu đọc hiểu văn bản “Chiều sâu của truyện *Lão Hạc*” của tác giả Văn Giá, sgk/ trang 86-89.

- Chuẩn bị các câu hỏi phần chuẩn bị đọc hiểu văn bản, câu hỏi giữa bài và câu hỏi cuối bài.

-Hoàn thành phiếu học tập sau:

|  |  |
| --- | --- |
| **Phiếu học tập số 1** | |
| 1. Xuất xứ? |  |
| 2. Thể loại? |  |
| 3. Bố cục? |  |
| 4. Lưu ý khi đọc văn bản? |  |

**Phiếu học tập số 2**

**Đọc văn bản và hoàn thành sơ đồ sau**

**LUẬN ĐỀ**

**Luận điểm n**

**Luận điểm 1**

**Luận điểm 2**

Bằng chứng

Lí lẽ

Bằng chứng

Lí lẽ

Lí lẽ

Bằng chứng

**Bài 9: NGHỊ LUẬN VĂN HỌC**

**Đọc – hiểu văn bản 2: CHIỀU SÂU CỦA TRUYỆN “LÃO HẠC”**

**- Văn Giá -**

**I. Mục tiêu**

**1. Về kiến thức**

- Tri thức về văn bản nghị luận (Nghị luận văn học): ý kiến, lí lẽ, bằng chứng và mối quan hệ chặt chẽ giữa các yếu tố này.

- Mối quan hệ giữa nhan đề với nội dung của văn bản.

- Tư tưởng, tình cảm của tác giả Văn Giá thể hiện qua văn bản.

**2. Về năng lực**

- Năng lực hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực ngôn ngữ…

- Nhận biết được các đặc điểm của văn bản nghị luận văn học qua các văn bản đọc hiểu trong SGK.

- Phân tích, so sánh được những điểm khác biệt cơ bản giữa văn bản nghị luận với một số kiểu văn bản đã học như thơ, truyện.

**3. Về phẩm chất**

- Nhân ái: biết quan tâm, chia sẻ yêu thương mọi người xung quanh.

- Yêu nước: trân trọng tự hào về kho tàng văn học của cha ông để lại.

- Trung thực: trong học tập, trong các mối quan hệ với bạn bè, thầy cô và gia đình,…

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

- Máy tính, máy chiếu

- Phiếu học tập

- Tranh ảnh, video có liên quan đến nội dung tiết học

**III. Tiến trình dạy học**

**1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề**

**a) Mục tiêu**

- Tạo không khí cho tiết học (kể chuyện, chiếu video clip, tranh, ảnh, bài hát,…)

- Huy động kiến thức nền của HS về đề tài sẽ học (nêu câu hỏi)

- Giới thiệu bài học (dẫn dắt, nêu vấn đề, giới thiệu).

**b) Nội dung:** GV hỏi, HS trả lời.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**

* Gv giao nhiệm vụ cho học sinh thông qua cuộc thi: *Thi kể tên những văn bản nghị luận mà em đã học?*
* HS nhắc lại các kiến thức đã học ở buổi trước: *Em hiểu thế nào là văn bản nghị luận? Văn bản nghị luận muốn thuyết phục cần có đặc điểm gì? Lưu ý khi đọc văn bản nghị luận?*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**

- Học sinh làm việc theo cặp đôi: trao đổi, thống nhất ý kiến

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

* Hs trả lời các câu hỏi của giáo viên.
* GV quan sát, động viên khích lệ và hỗ trợ học sinh nếu cần

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

* Hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của các cặp đôi
* Gv nhận xét, định hướng, chốt kiến thức kiến thức, dẫn dắt sang nội dung bài học: Chúng ta sẽ đọc hiểu văn bản *Chiều sâu của truyện “Lão Hạc”* để làm sáng tỏ các đặc điểm của văn bản nghị luận vừa nêu.

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **I. TÌM HIỂU CHUNG** | |
| **Mục tiêu: Giúp HS**  **-** Giúp học sinh biết được những thông tin cơ bản về nhà văn  **Nội dung**  **GV:** Sử dụng kĩ thuật đặt câu hỏi và yêu cầu học sinh (HS) thực hiện nhiệm vụ.  **HS:** Chuẩn bị ở nhà và thực hiện nhiệm vụ của giáo viên (GV) giao. | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **Nội dung 1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - **GV** yêu cầu HS: Trình bày những thông tin chính về tác giả Văn Giá?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - **GV gợi ý:** Tra cứu trên Google  **- HS**: xem lại thông tin  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - **GV:** Mời HS trình bày sản phẩm  **- HS:**  Đại diện trình bày thông tin về nhà văn  Những HS còn lại lắng nghe, theo dõi bạn trình bày, sau đó nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho sản phẩm của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  **GV**:  - Nhận xét phần chuẩn bị của HS, nhận xét sản phẩm trình bày của HS cũng như lời bổ sung của HS khác (nếu có).  **-** Chốt sản phẩm lên màn hình và chuyển dẫn sang nội dung tiếp theo.  **GV bổ sung:**   * Bút danh khác của tác giả Văn Giá: Chung Sơn, Thuần Vũ * Sinh ngày: 07-05-1959. * Quê: Tân Yên- Bắc Giang. * Là PGS - TS Lý luận và nghiên cứu, phê bình Văn Học. Nguyên chủ nhiệm Khoa Viết văn, Báo chí- ĐH Văn hóa HN. Hiện là Chủ tịch Hội đồng khoa học Khoa Viết văn-Báo chí,  Đại học Văn hoá Hà Nội. * **Các tác phẩm và công trình đã công bố:** + Một khoảng trời văn học (tiểu luận- phê bình) - NXB Giáo dục, 2000 + Vũ Bằng- bên trời thương nhớ (chuyên luận) - NXB Văn hoá- TT, 2000 + Vũ Bằng- Mười chín chân dung nhà văn cùng thời (Nghiên cứu, sưu tầm, giới thiệu) - NXB Đại học quốc gia, 2004 + Đời sống và đời viết (tiểu luận, phê bình-chân dung) - NXB Hội nhà văn, 2005 + Những biến đổi về giá trị văn hoá ở các làng ven đô Hà Nội trong thời kỳ đổi mới - NXB Chính trị Quốc gia, 2007 + Viết cùng bạn viết (tiểu luận, phê bình- chân dung) - NXB Hội nhà văn, 2010 + Người khác và tôi (tiểu luận, phê bình- chân dung) - NXB Hội nhà văn, 2013 + Giáo trình Sáng tác truyện ngắn - NXB Lao động, 2015 + Trần gian muôn nỗi (Viết ngắn) - NXB Văn học, 2019 + Viết khi tâm đắc (Tiểu luận, phê bình, chân dung) - NXB Hội nhà văn, 2020 Và nhiều các đầu sách tham khảo bộ môn văn học danh cho các trường PTTH, CĐ và ĐH.   -> ***Chuyển dẫn***: GV tập trung vào phong cách sáng tác để bình, kết nối sang phần 2  **Nội dung 2:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Hướng dẫn cách đọc & yêu cầu HS đọc.  - Chú ý quan sát các ô chỉ dẫn bên phải để dễ dàng hiểu nội dung văn bản hơn  - Nêu những từ ngữ, hình ảnh, biểu tượng, điển tích,… khó, cần chú ý và giải thích.  - Chia nhóm lớp, phát phiếu học tập số 1, giao nhiệm vụ:  ? Văn bản *Chiều sâu của truyện “Lão Hạc”* thuộc thể loại nào? Dựa vào đâu em nhận ra điều đó?  ? Văn bản gồm mấy phần. Nêu nội dung của từng phần?   |  |  | | --- | --- | | **Phiếu học tập số 1** | | | 1. Xuất xứ |  | | 2. Thể loại |  | | 3. Bố cục: |  | |  |  | |  |  | |  |  | |  |  |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - **HS**:  + Đọc văn bản  + Làm việc cá nhân 2’, nhóm 5’  + 2 phút đầu, hs trình bày ra phiếu cá nhân (tự chuẩn bị )  + 5 phút tiếp theo, HS làm việc nhóm, thảo luận.  **- GV**:  + Chỉnh cách đọc cho HS (nếu cần).  + Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - **HS**: Trình bày sản phẩm của nhóm mình. Theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **- GV***:*  + Nhận xét cách đọc của và định hướng cách đọc phù hợp cho HS.  + Hướng dẫn HS trình bày bằng cách nhắc lại từng câu hỏi.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau. | **1. Tác giả**     * Tên thật: Ngô Văn Giá * Sinh ngày: 07-05-1959 * Quê: Tân Yên- Bắc Giang * Là nhà lý luận, phê bình văn học.       **2. Tác phẩm**  a. Đọc và tìm hiểu chú thích  b. Tìm hiểu chung về văn bản  - Xuất xứ: *“ Nhà văn và tác phẩm trong trường phổ thông”,* NXB Giáo dục, 1997  - Thể loại: Nghị luận văn học.  - Bố cục: 4 phần  + Phần 1: từ đầu đến “…những hệ luỵ của chúng”-> Giới thiệu về Nam Cao và chiều sâu tác phẩm Lão Hạc  + Phần 2: Tiếp theo đến “…các điểm nhìn khác”->Ý kiến 1 về tác phẩm Lão Hạc.  + Phần 3: Tiếp theo đến “…từ điểm then chốt này”-> Ý kiến 2 về tác phẩm Lão Hạc.  + Phần 4: Còn lại-> Khái quát lại văn bản. |

|  |  |
| --- | --- |
| **II. TÌM HIỂU CHI TIẾT VĂN BẢN** | |
| **a) Mục tiêu:**  + Gv hướng dẫn Hs đọc và tìm hiểu cụ thể nội dung và các đặc điểm nghệ thuật của văn bản từ đó thấy được đặc điểm của văn bản nghị luận văn học  + Hs nắm được nội dung và nghệ thuật của từng phần trong văn bản.  **b) Nội dung*:***Hướng dẫn học sinh khám phá, phát hiện những dấu hiệu đặc trưng của một văn bản nghị luận văn học thông qua văn bản cụ thể bằng hệ thống câu hỏi, phiếu bài tập.  **c) Sản phẩm:** câu trả lời của HS, sản phẩm của nhóm  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **Nội dung 1**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu Hs hoạt động theo cặp đôi cùng bàn.  - Dựa vào nhan đề và bố cục của văn bản, hãy chỉ ra vấn đề nghị luận và các luận điểm triển khai trong văn bản?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - **Hs:** Trao đổi thảo luận theo bàn, ghi kết quả ra phiếu.  - **GV** hướng dẫn HS thảo luận (nếu cần) trao đổi để hoàn thành những nhiệm vụ còn lại.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - **GV**:  +Yêu cầu đại diện hs lên trình bày.  + Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).   * **HS:**   + Đại diện 1 nhóm lên bày sản phẩm.  + Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS.  - Chốt kiến thức & chuyển dẫn sang mục mới.  **Nội dung 2**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu Hs đọc kỹ phần 2,3. Chia nhóm lớp, phát phiếu học tập số 2, giao nhiệm vụ:  - Luận điểm phần này có mối quan hệ như thế nào với vần đề nghị luận( luận đề)?  - Xác định lí lẽ và bằng chứng được sử dụng để làm sáng tỏ luận điểm 1?  - Nhận xét về cách trích dẫn và phân tích bằng chứng của người viết ở luận điểm 1?  - Luận điểm 2 được trình bày trong phần 3 góp phần làm sáng tỏ luận đề như thế nào?  - Nhận xét về cách lập luận sử dụng trong luận điểm 2?   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Phiếu học tập số 2** | | | |  | Lí lẽ | Bằng chứng | | Luận điểm 1 |  |  | | Luận điểm 2 |  |  |   **Nội dung 3**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu Hs đọc kỹ phần 4.  - Phần 4 khái quát điều gì?  - Vấn đề nghị luận được khẳng định như thế nào?  - Trình tự phân tích truyện ngắn Lão Hạc trong văn bản này có giống với trình tự phân tích bài thơ Cảnh khuya trong văn bản Vẻ đẹp của bài thơ “Cảnh khuya” không? Hãy nêu một số biểu hiện cụ thể  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Hs đọc lại phần 4 chú ý vào các ô bên phải chỉ dẫn, định hướng nội dung  - Hs Hoạt động theo cặp đôi để phát hiện những bằng chứng, lí lẽ mà tác giả nêu ra.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  **GV:** Yêu cầu hs trả lời và hướng dẫn (nếu cần).  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**   * **Hs:** bổ sung ý kiến * **Gv** nhận xét, chốt kiến thức: Văn bản đã thể hiện rõ tình cảm trân trọng, mến phục của người viết đối với tài năng nghệ thuật của Nam Cao. | **1.Luận đề:**  - Luận đề: Giá trị sâu sắc về tư tưởng và nghệ thuật tiềm ẩn trong tác phẩm “Lão Hạc”.  - Luận điểm:  + Luận điểm 1: Nhà văn đã đưa hoạt động giao tiếp (câu chuyện giữa ông giáo và lão Hạc qua hai lần gặp gỡ) trở thành đối tượng nhận thức và mô tả trực tiếp tính cách nhân vật.  + Luận điểm 2: Thông qua nội dung các cuộc trò chuyện ấy, tác giả đã gián tiếp thể hiện một tình thế lựa chọn của lão Hạc (giữa cái sống và cái chết cùng những hệ luỵ của chúng).  **2. Mối quan hệ giữa luận điểm với luận đề trong văn bản.**  - Luận điểm của phần này gắn bó mật thiết với luận đề, giúp làm sáng tỏ luận đề của văn bản.  **2.1 Luận điểm 1**  - Lí lẽ và bằng chứng   |  |  | | --- | --- | | Lí lẽ | Bằng chứng | | Cách thức trò chuyện đã ẩn tàng nhiều ý nghĩa sâu xa hơn là bản thân những lời trò chuyện | Nêu ra số lần ông giáo và lão Hạc trò chuyện. Ông giáo là người kể chuyện. | | Giấu đến tận cùng số phận nhân vật, thỉnh thoảng hé mở vài cảnh huống gây sự hiểu lầm, rồi cuối cùng giải tỏa sự hiểu lầm ấy là một thành công đặc sắc của nghệ thuật tự sự Nam Cao ở truyện này. | Phân tích cuộc trò chuyện giữa các nhân vật. | | Cái nhìn từ tấm lòng tác giả là mạch chủ đạo, chi phối và liên kết các điểm nhìn khác. | Phân tích sự thay đổi mạch kể chuyện. |   **=>** *Người viết sử dụng lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ các luận điểm chính trong văn bản rất thuyết phục, xác thực và trình bày theo trình tự rất hợp lí. Lí lẽ và bằng chứng được sử dụng ngay sau luận điểm chính mà nhờ đó vấn đề nghị luận được làm sáng rõ hơn.*  **2.2. Luận điểm 2.**  **-** Luận điểm được trình bày trong phần 3 đã đi sâu phân tích hoạt động giao tiếp của các nhân vật, về tình thế lựa chọn của lão Hạc trong truyện (giữa cái sống và cái chết cùng những hệ luỵ của chúng).  *- Cách lập luận: Chặt chẽ giúp làm rõ hơn giá trị tư tưởng trong tác phẩm “Lão Hạc”.*  **3. Khái quát vấn đề nghị luận**  - Vấn đề nghị luận được khẳng định: Truyện Nam Cao không phải là loại truyện giản đơn trong cấu tứ, dựng truyện và triển khai mạch truyện.  - Trình tự phân tích truyện ngắn *Lão Hạc* trong văn bản này giống với trình tự phân tích bài thơ *Cảnh khuya* trong văn bản Vẻ đẹp của bài thơ *Cảnh khuya*.  - “Truyện *Lão Hạc* thật tự nhiên, dung dị, hấp dẫn và mênh mông buồn. Tài nghệ và tấm lòng của nhà văn Nam Cao một lần nữa, ở đây, lại được kí thác hết mình.” |
| **III. Tổng kết**  **a) Mục tiêu:** Hs nắm được đặc điểm của văn bản nghị luận ( Nghị luận văn học)  **b) Nội dung:** *Hướng dẫn học sinh*  trả lời câu hỏi tổng kết văn bản để củng cố khắc sâu kiến thức về bài nghị luận văn học  **c) Sản phẩm:** Các câu trả lời của học sinh  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua hệ thống câu hỏi  - Trình bày khái quát nội dung và những đặc sắc về nghệ thuật của văn bản.  - Hãy nêu những kĩ năng đọc kiểu văn bản nghị luận văn học.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  -Học sinh trình bày cá nhân:  + Văn bản nghị luận là loại văn bản nhằm thuyết phục người đọc, người nghe về một vấn đề nào đó  + Nghị luận văn học là văn bản nghị luận bàn về các vấ đề văn học  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Yêu cầu học sinh nhận xét câu trả lời.  - Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức. | **1. Nghệ thuật:**  **-** Các bằng chứng đa dạng, cụ thể, sinh động, phong phú.  - Hệ thống lí lẽ, ý kiến rất thuyết phục, xác thực và được trình bày theo một trình tự hợp lí.  **2. Nội dung**  - Tinh thần nhân vật, nhân đạo cao cả của tác phẩm Lão Hạc.  **3. Kĩ năng đọc văn bản nghị luận.**  - Nêu luận đề của văn bản.  - Xác định các luận điểm và chỉ ra mối quan hệ của hệ thống luận điểm với luận đề.  - Chỉ ra các lí lẽ, dẫn chứng (bằng chứng) và mối quan hệ của chúng trong việc làm rõ luận điểm. |

**HOẠT ĐỘNG 3: Luyện tập**

**a) Mục tiêu:** Kiểm tra, đánh giá kết quả học tâp của học sinh qua một số bài tập cụ thể.

**b) Nội dung:** Giáo viên hướng dẫn cho Hs làm bài tập.

**c) Sản phẩm:** Đáp án đúng của các bài tập

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

**\*GV phát phiếu học tập cho học sinh thảo luận cặp đôi**

Viết một đoạn văn (khoảng 10 dòng) thể hiện cảm nghĩ của em về nhà văn Nam Cao.

- Học sinh tiếp nhận, hiểu rõ yêu cầu của nhiệm vụ học tập

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**

**HS**:

* Suy nghĩ cá nhân và viết bài.

**GV** hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

**HS**: Trao đổi nhóm đôi -> Trình bày trước lớp.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh nhận xét câu trả lời.

- Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.

**HOẠT ĐỘNG 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:**HS vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết một vấn đề trong cuộc sống

**b) Nội dung:**Giáo viên yêu cầu học sinh thảo luận theo tổ để tìm một số trường hợp ta sử dụng kiểu văn bản nghị luận văn học

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của hs

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

\* Gv nêu nhiệm vụ học tập hs cần giải quyết :

- Tìm một số trường hợp sử dụng kiểu văn bản nghị luận văn học?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**

- Học sinh trả lời câu hỏi.

- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

- Học sinh thảo luận theo tổ cử đại diện trình bày.

- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh nhận xét

- Giáo viên sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.

\* **Hướng dẫn tự học:**

**-** Tiếp tục ôn tập và tìm hiểu về kiểu bài nghị luận văn học

- Tìm đọc đầy đủ truyện ngắn “Lão Hạc”của Nam Cao.

- Chuẩn bị trước bài “Thực hành Tiếng việt”

|  |  |
| --- | --- |
| **Phiếu học tập số 1** | |
| 1. Xuất xứ |  |
| 2. Thể loại |  |
| 3. Bố cục: |  |

Gợi ý:

|  |  |
| --- | --- |
| **Phiếu học tập số 1** | |
| 1. Xuất xứ | *“ Nhà văn và tác phẩm trong trường phổ thông”,* NXB Giáo dục, 1997 |
| 2. Thể loại | Nghị luận văn học |
| 3. Bố cục: | 4 phần  + Phần 1: từ đầu đến “…những hệ luỵ của chúng”-> Giới thiệu về Nam Cao và chiều sâu tác phẩm Lão Hạc  + Phần 2: Tiếp theo đến “…các điểm nhìn khác”->Ý kiến 1 về tác phẩm Lão Hạc.  + Phần 3: Tiếp theo đến “…từ điểm then chốt này”-> Ý kiến 2 về tác phẩm Lão Hạc.  + Phần 4: Còn lại-> Khái quát lại văn bản. |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phiếu học tập số 2** | | |
|  | Lí lẽ | Bằng chứng |
| Luận điểm 1 |  |  |
| Luận điểm 2 |  |  |

Gọi ý:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phiếu học tập số 2** | | |
|  | Lí lẽ | Bằng chứng |
| Luận điểm 1 | * Cách thức trò chuyện đã ẩn tàng nhiều ý nghĩa sâu xa hơn là bản thân những lời trò chuyện * Giấu đến tận cùng số phận nhân vật, thỉnh thoảng hé mở vài cảnh huống gây sự hiểu lầm, rồi cuối cùng giải tỏa sự hiểu lầm ấy là một thành công đặc sắc của nghệ thuật tự sự Nam Cao ở truyện này. * Cái nhìn từ tấm lòng tác giả là mạch chủ đạo, chi phối và liên kết các điểm nhìn khác. | * Nêu ra số lần ông giáo và lão Hạc trò chuyện. Ông giáo là người kể chuyện. * Phân tích cuộc trò chuyện giữa các nhân vật.   - Phân tích sự thay đổi mạch kể chuyện. |
| Luận điểm 2 | * Luận điểm được trình bày trong phần 3 đã đi sâu phân tích hoạt động giao tiếp của các nhân vật, về tình thế lựa chọn của lão Hạc trong truyện | - Lựa chọn giữa cái sống và cái chết của Lão Hạc cùng những hệ luỵ của chúng. |

**Ngày soạn: BÀI 9: NGHỊ LUẬN VĂN HỌC**

**Tiết: .....: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**THÀNH PHẦN BIỆT LẬP TRONG CÂU**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Về năng lực***

***\* Năng lực chung***

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm .

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà.

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản.

***\* Năng lực đặc thù***

- Nhận biết được các thành phần biệt lập trong câu (TP gọi – đáp, cảm thán, tình thái, chuyển tiếp, phụ chú)

- Rèn luyện được kĩ năng nói, viết, đặt câu có các thành phần biệt lập trong câu

***2. Về phẩm chất:***

- Chăm chỉ: HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.

- Trách nhiệm: Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy chiếu, máy tính, Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm, Phiếu học tập.

**-** Sgk, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, ....

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**  *a. Mục tiêu:* Giúp học sinh huy động những hiểu biết về các thành phần biệt lập trong câu kết nối vào bài học, tạo tâm thế hào hứng cho học sinh và nhu cầu tìm hiểu.  *b. Nội dung:* Giáo viên cho học sinh xác định các các thành phần biệt lập trong câu và nêu vai trò của từng thành phần câu.  *c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh*  *d. Tổ chức thực hiện:* | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Kết quả cần đạt** |
| **HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP**  **Bước 1.** GV đưa yêu cầu:  Hãy xem video và cho biết: Các nhân vật nói với chúng ta về những cảm xúc gì? Cảm xúc đó được thể hiện bằng những từ ngữ nào?  **Bước 2**  + HS xem video, suy nghĩ, làm việc cá nhân.  **Bước 3**  + HS trình bày.  + HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4:** Giáo viên tổng hợp, kết nối bài học  *Trong cuộc sống, mỗi người đều có những cảm xúc trước một tình huống nào đó. Cảm xúc ấy được thể hiện qua nhiều các hành động, ngôn từ: a, ô, ôi chao, ơ kìa, trời ơi...*  *Vậy, những từ đó khi dùng trong câu là để bộc lộ cảm xúc, được gọi là thành phần cảm thán. Nó chính là một trong những thành phần biệt lập trong câu - là nội dung của bài học hôm nay. Sau đây, chúng ta cùng tìm hiểu về “Thành phần biệt lập” nhé!* | - HS xác định: Vui, buồn, tức giận, ngạc nhiên… |

|  |  |
| --- | --- |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**  *a. Mục tiêu:*  *-* Hiểu, nhận biết được các thành phần biệt lập trong câu.  - Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về các thành phần biệt lập trong câu vào đọc hiểu, viết, nói và nghe có hiệu quả.  *b. Nội dung:* Giáo viên hướng dẫn học sinh vận dụng kiến thức để thực hiện nhiệm vụ học tập bằng sơ đồ tư duy.  *c. Sản phẩm:* Sơ đồ tư duy của học sinh.  *d. Tổ chức thực hiện:* | |
| **Bước 1:**  1. Xem lại phần chuẩn bị bài ở nhà, trao đổi với bạn bên cạnh (2 phút) thống nhất phần tìm hiểu các thành phần biệt lập trong câu bằng sơ đồ tư duy.  **Bước 2:**  - HS trao đổi, thảo luận.  - Cử đại diện báo cáo kết quả.  **Bước 3:**  - Đại diện nhóm báo cáo kết quả.  - Nhóm khác nhận xét, bổ sung.  ***Dự kiến SP:***  Có 5 thành phần biệt lập trong câu:  - TP gọi đáp  - TP cảm thán  - Tp tình thái  - TP chuyển tiếp  - TP phụ chú  Hiểu được cách dùng, công dụng của các TPBL.  ***\*GV đưa thêm một số ví dụ, yêu cầu hs nhận biết để khắc sâu KT.***  ***? Xác định các từ in đậm trong các câu sau có tác dụng gì? Thuộc tp biệt lập nào?***  **a)** Với lòng mong nhớ của anh**, chắc** anh nghĩ rằng, con anh sẽ chạy xô vào lòng anh, sẽ ôm chặt lấy cổ anh.  b) **Trời ơi**! Chỉ còn có 5 phút!  c) Hoàng **ơi**! Ra công viên chơi đi?  - **Ừ**! Chờ tớ 1 tí nhé!  d) Lão không hiểu tôi, **tôi nghĩ vậy**, và tôi càng buồn lắm.  e) Đơn vị chăm chúng tôi ra trò. Có gì lại bảo: “Để cho bọn trinh sát, chúng nó ở trên đó vắng”. **Điều đó cũng dễ hiểu thôi…**  **Bước 4: Kết luận, nhận định:**  - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc nhóm của HS.  - Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức. | **I. Kiến thức cơ bản**  Thành phần biệt lập là những thành phần nằm ngoài cấu trúc cú pháp chủ ngữ, vị ngữ, bổ ngữ, trạng ngữ... của câu và không tham gia vào việc diễn đạt sự việc trong câu.  Có 5 thành phần biệt lập:  - TP gọi đáp  - TP cảm thán  - Tp tình thái  - TP chuyển tiếp  - TP phụ chú  a) “Chắc”: thể hiện độ tin cậy: Tình thái  b) “Trời ơi!”: Bộc lộ cảm xúc tiếc nuối: cảm thán.  c) “Ơi, ừ” gọi đáp  d) “Tôi nghĩ vậy”: giải thích: tp phụ chú  e)“Điều đó cũng dễ hiểu thôi…” chuyển tiếp ý trước đó: tp chuyển tiếp. |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**  *a. Mục tiêu:*  - HS thực hành làm bài tập để hiểu kiến thức về các thành phần biệt lập trong câu.  *b. Nội dung:* Học sinh làm tập SGK phần Thực hành tiếng Việt  *c. Sản phẩm:* Phần bài tập hs đã làm*.*  *d. Tổ chức thực hiện:* | |
| **Nhiệm vụ 1: HS làm bài tập 1, áp dụng KT Think – Pair – Share.**  **Bước 1:**  **1. GV yêu cầu HS đọc yêu cầu bài tập 1(SGK), phát phiếu bài tập, HS hoạt động cá nhân làm bài tập vào phiếu trong 2 phút, sau đó đổi bài theo cặp đôi và chấm chéo.**  **Câu 1.** Tìm thành phần gọi - đáp, thành phần cảm thán trong các câu dưới đây. Nêu ý nghĩa của mỗi thành phần đó.  a. Ơ, bác vẽ cháu đấy ư? (Nguyễn Thành Long)  b. Này, bảo bác ấy có trốn đi đâu thì trốn. (Ngô Tất Tố)  c. Thưa ông, chúng cháu ở Gia Lâm lên đấy ạ. (Kim Lân)  d. Trời ơi, chỉ còn có năm phút! (Nguyễn Thành Long)   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Câu** | **TPBL** | **Từ ngữ thể hiện?** | **Công dụng** | | **a** |  |  |  | | **b** |  |  |  | | **c** |  |  |  | | **d** |  |  |  |   **Bước 2:**  - Hs hoạt động cá nhân làm bài tập vào phiếu bài tập trong 2 phút, sau đó đổi bài và chấm chéo  **Bước 3:**  - Trình bày kết quả làm việc nhóm  - HS khác nhận xét và bổ sung.  **Bước 4:**  - GV đánh giá, nhận xét  - GV chốt kiến thức  **Nhiệm vụ 2: HS làm bài tập 2, 3**  **Bước 1:**  **GV sử dụng kỹ thuật mảnh ghép, yêu cầu các nhóm hoàn thành BT 2, 3, sau đó trao đổi, đánh giá, nhận xét và thống nhất đáp án đúng cho mỗi câu.**  **Vòng 1: Đào tạo chuyên gia (các nhóm đánh số 1,2 cho các thành viên trong nhóm)**  - Nhóm 1,2: làm BT 2  - Nhóm 3,4: làm BT 3  **Vòng 2: Lập nhóm mới**  - Số 2 của nhóm 1 kết hợp số 1 của nhóm 3  - Số 2 của nhóm 2 kết hợp với số 1 của nhóm 4  **Câu 2:** Tìm thành phần phụ chú trong những câu dưới đây. Dấu hiệu hình thức nào giúp em nhận biết thành phần đó? Các thành phần phụ chú đó được dùng làm gì?  a. Trên nền im lặng bao la ấy nổi bật lên một âm thanh văng vẳng mơ hồ nhưng êm dịu như một tiếng hát xa – tiếng suối ... (Lê Trí Viễn)  b. Câu thơ vang lên những hai thứ tiếng: tiếng suối và tiếng hát. (Lê Trí Viễn)  c. Vậy là không cần hành động, không cần biến cổ (hai yếu tố này đã bị thiểu giảm tới mức tối đa), tác giả để cho tính cách nhân vật hiện lên qua hai cuộc trò chuyện, nhờ vào đó để triển khai tâm tưởng bề sâu của nhân vật. (Văn Giá)   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Câu** | **Tp phụ chú.**  **Từ ngữ thể hiện** | **Dấu hiệu hình thức** | **Công dụng** | | **a** |  |  |  | | **b** |  |  |  | | **c** |  |  |  |   **Câu 3**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Câu** | **TPBL nào?** | **Dấu hiệu hình thức Từ ngữ thể hiện?** | **Công dụng** | | **a** |  |  |  | | **b** |  |  |  | | **c** |  |  |  | | **d** |  |  |  | | **e** |  |  |  |   **Bước 2:**  - HS trao đổi, thảo luận.  - Đào tạo chuyên gia.  **Bước 3:**  - Lập nhóm mới.  - Trao đổi, thống nhất đáp án.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:**  - GV đánh giá, nhận xét  - GV chốt kiến thức: | **II. Thực hành:**  ***Bài tập 1***  a. Thành phần cảm thán: **ơ**: bộc lộ cảm xúc của người nói.  b. Thành phần gọi - đáp: **Này**: duy trì quan hệ giao tiếp.  c. Thành phần gọi - đáp: **Thưa ông**: duy trì quan hệ giao tiếp.  d. Thành phần cảm thán: **Trời ơi**: bộc lộ cảm xúc của người nói.  ***Bài tập 2***   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Câu** | **Tp phụ chú** | **Dấu hiệu hình thức** | **Công dụng** | | **a** | tiếng suối | trước nó có dấu "-" | giải thích | | **b** | tiếng suối và tiếng hát | dấu hai chấm | giải thích | | **c** | hai yếu tố này đã bị thiểu giảm tới mức tối đa | được đánh dấu bằng dấu ngoặc đơn | giải thích |   **Bài tập 3**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Câu** | **TPBL** | **Dấu hiệu hình thức Từ ngữ thể hiện?** | **Công dụng** | | **a** | Tình thái: | May ra, có lẽ | Đánh giá | | **b** | Chuyển tiếp: | Trước hết, thứ đến | Chuyển tiếp ý | | **c** | Tình thái: | Hình như | Đánh giá | | **d** | Tình thái: | Chắc | Đánh giá | | **e** | Chuyển tiếp: | Nói cách khác | Chuyển tiếp ý | |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**  *a. Mục tiêu:*  - HS vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết một vấn đề trong cuộc sống.  - Hướng dẫn học sinh tìm tòi mở rộng sưu tầm thêm kiến thức liên quan đến nội dung  bài học.  *b. Nội dung:* Giáo viên hướng dẫn học sinh làm bài tập mở rộng.  *c. Sản phẩm:* Phần trình bày của học sinh.  *d. Tổ chức thực hiện:* | |
| **Nhiệm vụ 4: HS làm bài tập mở rộng.**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  GV ra bài tập: Viết đoạn văn ngắn từ 4-6 câu trình bày cảm nhận của em về một văn bản nghị luận đã học, trong đó có sử dụng ít nhất 2 TPBL mà em đã học. Chỉ ra các TPBL có trong đoạn văn.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  **-** HS làm việc cá nhân và hoàn thiện nhiệm vụ  - Suy nghĩ cá nhân và viết ra giấy kết quả.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - Trình bày kết quả  - HS nhận xét và bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:**  - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc nhóm của HS.  - GV đưa ra các tiêu chí để đánh giá HS:  + Kết quả làm việc của học sinh.  + Thái độ, ý thức hợp tác nghiêm túc trong khi làm việc.   * Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức. | Đoạn văn tham khảo  Văn bản “Vẻ đẹp của bài thơ Tiếng gà trưa” là một văn bản nghị luận văn học đã phân tích những đặc sắc nghệ thuật và nội dung của bài thơ “Tiếng gà trưa”, giúp người đọc cảm nhận sâu sắc hơn về tác phẩm của nhà thơ Xuân Quỳnh. Tác giả của văn bản - Đinh Trọng Lạc, đã lần lượt phân tích nghệ thuật trong các khổ thơ. Sự ấn tượng của tôi dồn cả vào việc tác giả phân tích khổ thơ cuối. Ở khổ thơ cuối, anh chiến sĩ thốt lên tiếng gọi “Bà ơi” thật cảm động. Đó là tình cảm chất chứa lâu ngày nay được phát tiết. Việc Xuân Quỳnh để cho từ “Vì” ở đầu các dòng thơ lặp lại nhiều lần đã góp phần biểu hiện ý chí chiến đấu mạnh mẽ của người cháu - chiến sĩ. Đó là vì Tổ quốc, vì nhân dân mà trong đó bao gồm cả những người thân yêu trong gia đình, mà sâu sắc nhất là người bà với biết bao kỉ niệm tuổi thơ êm đẹp.  \*TPBL có trong đoạn:  - Phụ chú: Tác giả của văn bản - Đinh Trọng Lạc  - Chuyển tiếp: Đó là tình cảm chất chứa |

**\* Dặn dò**

- Ôn tập lại kiến thức về các thành phần biệt lập trong câu

- Hoàn thiện các bài tập trong phần luyện tập và vận dụng vào vở.

Chuẩn bị bài THĐH: *Nắng mới, áo đỏ và nét cười đen nhánh.*

- Đọc kĩ văn bản, tìm hiểu thêm những VBNL viết về tp “Nắng mới” của Lưu Trọng Lư.

- Vận dụng những tri thức đã có sau khi học bài thơ “Nắng mới” (Bài 2 – NV 8, tập 1) để hiểu thêm về nội dung của VBNL này.

- Trả lời các câu hỏi bên cạnh mỗi phần nhỏ và các câu hỏi cuối VB.

**Bài 9: NGHỊ LUẬN VĂN HỌC**

(Thời gian thực hiện: tiết)

**Tiết : Viết: Viết bài nghị luận phân tích một tác phẩm kịch**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

- Nắm được yêu cầu và cách làm kiểu bài nghị luận phân tích một tác phẩm kịch.

- Biết xác định luận điểm, lí lẽ, bằng chứng của bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm kịch.

**2. Về năng lực**:

- Năng lực chung: giải quyết vấn đề, năng lực tư duy ngôn ngữ, tự học, hợp tác, năng lực tìm kiếm và xử lí thông tin.

- Năng lực riêng: Năng lực cảm thụ thẩm mỹ, năng lực sử dụng tiếng Việt, năng lực tạo lập văn bản.

**3. Về phẩm chất**:

- Chăm chỉ: HS có ý thức vận dụng bài học vào hoàn cảnh thực tế, kiên trì, học hỏi, sáng tạo.

- Trách nhiệm: Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính

**2. Học liệu:** Sgk, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề**

*a. Mục tiêu:* Giúp học sinh huy động những hiểu biết về tác phẩm kịch kết nối vào bài học, tạo tâm thế hào hứng cho học sinh và nhu cầu tìm hiểu bài.

*b. Nội dung:* GV nêu câu hỏi gợi dẫn, HS trả lời

*c. Sản phẩm:* Câu trả lời của HS

*d. Tổ chức thực hiện:*

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**

- GV đặt câu hỏi gợi dẫn: Em đã học các tác phẩm hài kịch nào? Nêu suy nghĩ của em về các tác phẩm đó?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

HS suy nghĩ cá nhân, trả lời câu hỏi

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- GV mời 1 – 2 HS chia sẻ trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.

**Bước 4: Kết luận, nhận định (GV):**

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: Bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm kịch không phải đơn thuần chỉ là một bài văn nêu cảm nghĩ về tác phẩm mà nó yêu cầu các lý lẽ, lập luận, câu văn phải mạch lạc rõ ràng và sắc bén. HS phải nắm rõ các đặc điểm về thể loại, nghệ thuật cũng như đặc sắc của tác phẩm từ đó có thể thể hiện được góc nhìn cũng như cảm nhận của mình về tác phẩm. Trong bài học ngày hôm nay chúng ta sẽ cùng tìm hiểu về viết bài văn nghị luận phân tích đánh giá một tác phẩm kịch.

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

*a. Mục tiêu:* Nắm được yêu cầu khi làm văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm kịch

*b. Nội dung:* HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến bài học.

*c. Sản phẩm:* HS trả lời các yêu cầu khi làm văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm kịch

*d. Tổ chức thực hiện:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV-HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **Hoạt động định hướng**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**  - GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua hệ thống câu hỏi:  1. Kiểu bài nghị luận phân tích một tác phẩm hài kịch yêu cầu chúng ta làm gì?  2. Để viết bài nghị luận phân tích một tác phẩm hài kịch, chúng ta cần làm gì? Người viết có phải kể lại đơn thuần hoặc đưa ra nhận xét chung chung về tác phẩm đó không?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS:  - HS nhớ lại các văn bản hài kịch đã học  - Dựa vào sgk trao đổi cặp đôi và thống nhất nội dung.  GV hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  **GV**:  - Yêu cầu đại diện học sinh của một vài cặp đôi trình bày.  - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).  **HS**:  - Trình bày kết quả làm việc nhóm.  - Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV):**  - Nhận xét sản phẩm của HS và chốt kiến thức. | **I. Định hướng**  **1. Yêu cầu đối với kiểu bài nghị luận phân tích một tác phẩm kịch**  - Phân tích cả nội dung và nghệ thuật  - Chỉ ra tác dụng của các yếu tố hình thức nghệ thuật (xung đột, nhân vật, hành động, lời thoại, thủ pháp trào phúng…) trong việc biểu đạt nội dung.  **2. Cách viết kiểu bài nghị luận phân tích một tác phẩm kịch**  - Xác định rõ yêu cầu nghị luận  - Đọc lại tác phẩm  - Xác định vấn đề cụ thể của bài viết  - Thực hiện các bước theo quy trình viết bài văn nghị luận  - Lựa chọn, sử dụng bằng chứng trong tác phẩm để lí giải, phân tích  - Tránh kể lại đơn thuần hay nhận xét chung chung, thiếu thuyết phục. |
| **Hoạt động thực hành**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**  - GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua hệ thống câu hỏi:  Yêu cầu HS đọc lại đoạn trích “Đổi tên cho xã” và thực hiện các yêu cầu trong sgk:  1. Chuẩn bị  **2.** Tìm ý, lập dàn ý và viết bài theo dàn ý.  **3.** Sửa lại bài sau khi đã viết xong?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV**:  - Hướng dẫn đọc lại đoạn trích “Đổi tên cho xã” để thực hiện các yêu cầu trong phiếu học tập, tìm ý và lập dàn ý.  - Phát hiện các khó khăn học sinh gặp phải và giúp đỡ HS.  - Sửa bài cho học sinh.  **Học sinh**:  - Hoàn thiện phiếu học tập  - Tìm ý theo hệ thống câu hỏi trong sách giáo khoa.  **-** Tình huống của đoạn trích là gì? Có những nhân vật nào?  - Các nhân vật có đặc điểm gì, đại diện cho kiểu người nào?  - Hành động và lời thoại của các nhân vật được khắc họa ra sao?  - Có những chi tiết vô lí, gây cười nào thể hiện tính hài kịch của đoạn trích?  - Có những xung đột nào trong đoạn trích? Kết quả giải quyết là gì?  - Nhận xét về giá trị nội dung, nghệ thuật của đoạn trích?  - Lập dàn ý ra giấy và viết bài theo dàn ý.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - **GV**: Yêu cầu HS báo cáo sản phẩm.  - **HS**:  + Trình bày sản phẩm của mình.  + Theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho bài của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV):**  - Nhận xét thái độ học tập và sản phẩm của HS. Chuyển dẫn sang mục sau. | **II. Thực hành**  2.1. Đề bài: Phân tích đoạn trích “Đổi tên cho xã” (từ vở kịch “Bệnh sĩ” của Lưu Quang Vũ)  **a. Chuẩn bị**  - Nội dung: cuộc họp thông báo những đổi mới của xã Hùng Tâm từ tên xã đến chức vụ của một số người, qua đó làm nổi bật lên một trong những thói hư tật xấu tồn tại trong xã hội là "Bệnh sĩ".  - Nghệ thuật:  + Xây dựng tình huống xung đột giàu kịch tính  + Khắc họa tính cách nhân vật chân thực, độc đáo.  **b. Tìm ý và lập dàn ý**  **\* Tìm ý**  - Tình huống của đoạn trích: Xã Hùng Tâm mở cuộc họp thông báo những đổi mới của xã Hùng Tâm từ tên xã đến chức vụ của một số người.  - Nhân vật: Ông Nha, Văn Sửu, ông Độp, bà Độp, ông Thình.  - Đặc điểm nhân vật:  + Nhân vật ông Chủ tịch xã Toàn Nha tiêu biểu cho kiểu người thích sống giả dối trong xã hội.  + ...  - Hành động và lời thoại của các nhân vật: có sự không tương xứng giữa thực chất bên trong và hình thức bên ngoài, giữa suy nghĩ và hành động khiến việc làm trở nên lố bịch hài hước. Ví dụ: Ông Đốp một tên hoạn lợn lại được phong cho làm chức Chủ nhiệm Trung tâm Triệt sản gia súc xã Hung Tâm; Ông Thình vốn là đội trưởng đội làm những nghề phụ của xã lại được phong làm Chủ nhiệm Trung tâm Công nghệ...  - Những chi tiết vô lí, gây cười thể hiện tính hài kịch của đoạn trích: Lời nói có nhiều từ ngữ không rõ nghĩa như: ta bung ra, ta bung ra pháo, cố nói những từ khoa học càng lộ ra sự thiếu hiểu biết như Trung tâm Công nghệ mà chỉ sản xuất có pháo.  - Những xung đột trong đoạn trích: mâu thuẫn giữa cái xấu và cái tốt. Ông Nha vẽ ra một viễn tưởng cao đẹp về một xã phát triển, giàu mạnh nhưng thực tế thì những gì ông làm đều chỉ đẩy người dân vào cái nghèo đói. Đó là sự tương phản giữa áo tưởng và thực tế.  => Kết quả là một loạt các chức danh mới được tạo ra nhưng không khoa học và rối loạn.  - Nhận xét về giá trị nội dung, nghệ thuật của đoạn trích:  + Văn bản đã phê phán một hiện tượng nhức nhối trong xã hội Việt Nam, đó là thích sĩ diện.  + Đoạn trích cũng sử dụng thủ pháp trào phúng, phóng đại.  **\* Lập dàn ý**  **-** Mở bài: Giới thiệu đoạn trích Đổi tên cho xã; nêu ấn tượng, cảm nhận chung về đoạn trích  - Thân bài:  + Khái quát nội dung đoạn trích và nêu tình huống kịch  + Lí giải xung đột và việc giải quyết xung đột thể hiện trong đoạn trích  + Phân tích đặc điểm nổi bật của một số nhân vật, qua đó thấy được ý nghĩa của đoạn trích  - Kết bài: Nhận xét về giá trị nội dung và nghệ thuật của đoạn trích; rút ra những bài học về nhận thức và hành động cho bản thân.  **c. Viết**  - Dựa vào dàn ý để viết thành bài văn hoàn chỉnh.  **d. Kiểm tra và chỉnh sửa**  - Đọc và sửa lại bài viết. |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

b. Nội dung: HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao.

c. Sản phẩm:Bài làm của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**:

Giáo viên giao bài tập cho HS.

Bài tập: Chỉ ra luận điểm, lí lẽ, bằng chứng và cách phân tích bằng chứng được sử dụng trong đoạn văn sau: “Nhân vật để lại ấn tượng… giấc mơ!”.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

**GV**: Hướng dẫn HS:

- Lí lẽ và bằng chứng trong bài nghị luận phân tích tác phẩm văn học phải xuất phát từ nội dung tác phẩm, làm rõ cho vấn đề trọng tâm đã nêu lên

- Bằng chứng là những câu văn, câu thơ, hình ảnh, chi tiết, sự việc… được trích dẫn trực tiếp trong văn bản

- Bằng chứng cần được chọn lọc để vừa tiêu biểu vừa phù hợp với lí lẽ và luận điểm, tránh trích dẫn tràn lan.

- Bằng chứng sau khi trích phải được phân tích, lí giải, bình luận nhằm làm sáng tỏ luận điểm.

**HS**: Thảo luận nhóm bàn tìm các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng được sử dụng trong đoạn văn.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Luận điểm | Lí lẽ | Bằng chứng |
| Nhân vật để lại ấn tượng nổi bật trong đoạn trích kịch Đổi tên cho xã là ông Nha – chủ tịch xã, một điển hình cho kiểu người háo danh, sĩ diện. | Là con người, ai cũng có những mong muốn, kì vọng nhưng nếu những mong muốn không xuất phát từ thực tế sẽ chỉ là ảo tưởng, cố theo đuổi bằng được ảo tưởng đó và tìm cách huyễn hoặc mình thì chẳng khác nào lừa người, lừa mình.  Ông khao khát thay đổi hoàn cảnh nhưng lại không có phương pháp đúng. Làm gì có chuyện chỉ cần đặt lại cho xã cái tên mới thật kêu là mọi việc sẽ thay đổi theo chiều hướng tốt đẹp như một giấc mơ! | Đưa ra việc ông chủ tịch xã dù thiếu hiểu biết nhưng nóng vội tuyên bố rằng “lịch sử xã ta mở sang một trang mới”, “chấm dứt cái tên ... nôm na của một quá khứ tối tăm, nghèo khổ” |

**Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**

GV đánh giá bài làm của HS bằng nhận xét.

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các dạng bài theo yêu cầu.

b. Nội dung:Giáo viên giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c. Sản phẩm: Sơ đồ tư duy của HS

d. Tổ chức thực hiện:

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**

? Gv yêu cầu HS vẽ sơ đồ tư duy trình bày hệ thống luận điểm, lí lẽ, bằng chứng của một tác phẩm hài kịch đã học.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

**GV**: Hướng dẫn HS xác nhiệm vụ.

**HS**:Đọc, xác định yêu cầu của bài tập.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**GV**: Hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm.

**HS**: Nộp sản phẩm cho GV qua Padlet của cô giáo.

**Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét bài làm của HS

**\*Hướng dẫn học sinh học bài ở nhà và chuẩn bị bài sau:**

Hướng dẫn học sinh học bài ở nhà: Tiếp tục hoàn thiện các bài tập, luyện viết dạng bài nghị luận về tác phẩm kịch.

Chuẩn bị bài sau: Nói và nghe: Thuyết trình bài giới thiệu về một vấn đề của tác phẩm văn học.

*-* Đọc nội dung kiến thức ngữ văn trong sgk.

- Chuẩn bị trước bài học theo định hướng trong sgk.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**BÀI 9: VĂN NGHỊ LUẬN**

(NGHỊ LUẬN VĂN HỌC)

**TRÌNH BÀY GIỚI THIỆU VỀ MỘT VẤN ĐỀ CỦA TÁC PHẨM VĂN HỌC**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Về kiến thức:***

- Xác định được ý kiến, trình bày quan điểm, suy nghĩ của bản thân về một vấn đề của tác phẩm văn học.

- Trình bày ý kiến, quan điểm, suy nghĩ của bản thân về một vấn đề của tác phẩm văn học.

- Biết lắng nghe các ý kiến nhận xét, phản hồi từ phía người nghe;

- Biết chú ý lắng nghe để nắm đầy đủ, chính xác các ý tưởng của người nói; tham gia trao đổi tích cực về vấn đề được trình bày.

***2. Về năng lực:***

- Biết cách nói và nghe phù hợp, sử dụng các lí lẽ, dẫn chứng thuyết phục.

***3. Về phẩm chất:***

- *Chăm chỉ:* HS có ý thức vận dụng bài học vào hoàn cảnh thực tế, học hỏi, sáng tạo.

-*Trách nhiệm:* Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1: Khởi động và xác định vấn đề học tập**

a. Mục tiêu: Thu hút sự chú ý, tạo hứng thú học tập; kết nối những bài học trước đó; huy động tri thức nền và trải nghiệm của HS.

b. Nội dung: Tổ chức nghe video hoặc trò chơi, đặt câu hỏi gợi dẫn vào bài học.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS và sản phẩm cần đạt |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Trong số những tác phẩm đã học, em ấn tượng nhất với tác phẩm nào? Chỉ ra vấn đề cụ thể của tác phẩm ấy mà em thấy quan tâm nhất?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: Suy nghĩ cá nhân và trả lời  **GV** hướng theo dõi, quan sát HS, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**: Trình bày  **GV**: Yêu cầu HS nhận xét, bổ sung.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét, đánh giá thái độ làm việc của HS, dẫn vào bài. | HS Nghe, trình bày. |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

a. Mục tiêu: HS xác định mục đích nói và nghe, chuẩn bị nội dung bài nói và nghe.

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS và sản phẩm cần đạt** |
| **1. Định hướng** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - HS đọc thêm phần Định hướng, trả lời các câu hỏi.  *+ Vấn đề của tác phẩm văn học mà em định trình bày là gì? (HS gõ vào phần chát)*  *+ Để trình bày ý kiến về một vấn đề trong tác phẩm văn học, các em cần làm gì?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: Suy nghĩ cá nhân và trả lời  **GV** hướng theo dõi, quan sát HS, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**: Trình bày  **GV**: Yêu cầu HS nhận xét, bổ sung.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, dẫn vào bài học. | - Xác định vấn đề: Lựa chọn vấn đề của tác phẩm văn họcem định trình bày ý kiến.  - Để trình bày ý kiến trước lớp về vấn đề đã xác định, các em cần:  + Xác định ý kiến của mình về vấn đề đó và các lí lẽ, bằng chứng em định sử dụng để thuyết phục mọi người. (Chú ý hệ thống bằng chứng cần đa dạng)  + Chuẩn bị tranh ảnh hoặc video, thiết bị hỗ trợ (nếu có). |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập, thực hành**

a. Mục tiêu: Nắm được các bước để chuẩn bị bài nói trình bày ý kiến về một vấn đề của tác phẩm văn học thông qua phần thực hành đề bài: *“Giả sử trong buổi sinh hoạt ngoại khóa của lớp vào tuần tới, nhóm em đăng kí trình bày về một vấn đề của văn bản “Đổi tên cho xã” trích từ vở hài kịch “Bệnh sĩ” của Lưu Quang Vũ, em sẽ trình bày bài giới thiệu của nhóm em như thế nào?”*

b. Nội dung: Thực hiện bài tập thực hành và vận dụng kiến thức lí thuyết theo hướng dẫn. Làm việc cá nhân và làm việc nhóm để hoàn thành yêu cầu.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS và sản phẩm cần đạt | |
| 1. **Thực hành** 2. **Chuẩn bị** | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - HS chuẩn bị ở nhà:  + Dàn ý bài nói.  + Sắp xếp tranh ảnh hoặc các phương tiện hỗ trợ khác (nếu có).  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: Làm việc cá nhân ở nhà và trả lời  **GV** hướng theo dõi, quan sát HS, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**: Trình bày  **GV**: Yêu cầu HS nhận xét, bổ sung.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét và chốt kiến thức. | | - Xem lại dàn ý đã làm ở phần Viết.  - Sắp xếp tranh ảnh hoặc các phương tiện hỗ trợ khác (nếu có). |
| 1. **Tìm ý và lập dàn ý** | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - HS gửi dàn ý bài nói lên padlet.  - GV lựa chọn 1 bài bất kì và chữa cho cả lớp cùng quan sát.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: Làm việc cá nhân và trả lời  **GV** hướng theo dõi, quan sát HS, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**: Trình bày  **GV**: Yêu cầu HS nhận xét, bổ sung.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét và chốt kiến thức. | | - Bổ sung, chỉnh sửa dàn ý cho bài nói (nếu cần thiết).  - Nếu trình bày ý kiến về một vấn đề khác với vấn đề ở phần Viết thì lập dàn ý cho bài nói. |
| **c) Nói và nghe** | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Dựa trên dàn ý đã sửa, HS trình bày trước lớp.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: Làm việc cá nhân và trả lời  **GV** hướng theo dõi, quan sát HS, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**: Trình bày  **GV**: Yêu cầu HS nhận xét, bổ sung.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét và chốt kiến thức. | | Người nói: Dựa vào dàn ý, thực hiện việc trình bày ý kiến về vấn đề đã lựa chọn bằng lời trước tổ hoặc lớp. Chú ý đảm bảo nội dung và cách trình bày để bài nói trở nên hấp dẫn.  Người nghe: Tóm tắt được nội dung chính mà người nói trình bày. |
| **d) Kiểm tra và chỉnh sửa** | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chỉnh sửa bài nói.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: Chỉnh sửa cá nhân, chỉnh sửa theo nhóm và trước lớp.  **GV** hướng theo dõi, quan sát HS, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**: Trình bày  **GV**: Yêu cầu HS nhận xét, bổ sung.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét và chốt kiến thức. | | - Người nói:  + Xem nội dung bài nói đã đủ ý chưa (Ý kiến về vấn đề trong tác phẩm thế nào? Lí lẽ ra sao? Có nêu được các bằng chứng cụ thể, đa dạng không?)  + Rút kinh nghiệm về cách trình bày: Diễn đạt có rõ ràng, dễ hiểu không? Ngôn ngữ, điệu bộ, thái độ,… đã phù hợp chưa?  - Người nghe:  + Hiểu đúng và tóm tắt được các thông tin (ý kiến, lí lẽ và bằng chứng) của người nói.  + Tập trung chú ý theo dõi người nói, nêu câu hỏi nếu thấy chưa rõ. |

* Hướng dẫn về nhà:

GV hướng dẫn HS đọc thêm: các văn bản nghị luận về các vấn đề xã hội + chuẩn bị bài tổng kết và tự đánh giá.